



DANH SÁCH NỘP BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ:

Phòng thi: 1

Ngày thi: 16/06/2025

Tên lớp học phần: Nghiệp vụ ngân hàng trung ương

Giảng đường: B1_CS1

ST	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số câu	Điểm	Ký nộp	Ghi chú
1	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	Nữ	24	4.8		
2	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	7/8/2004	Nam	26	5.2		
3	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	Nam	32	6.4		
4	1001010081	Phạm Thị	Dịu	6/2/2004	Nữ	23	4.6		
5	1001011720	Đình Xuân	Đức	7/10/2004	Nam	29	5.8		
6	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	Nữ	23	4.6		
7	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	Nam	32	6.4		
8	1001011689	Bùi Đức	Duy	6/10/2004	Nam	19	3.8		
9	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	Nữ	40	8		
10	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/4/2004	Nữ	33	6.6		
11	1001010784	Trần Minh	Hiếu	6/12/2004	Nam	18	3.6		
12	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/8/2004	Nữ	26	5.2		
13	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	Nam	23	4.6		
14	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	Nam	24	4.8		
15	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	Nữ	26	5.2		
16	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	Nữ	33	6.6		
17	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/7/2004	Nữ	41	8.2		
18	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	2/4/1996	Nam	29	5.8		
19	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	Nam	23	4.6		
20	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	7/2/2004	Nam	21	4.2		
21	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	Nữ	24	4.8		
22	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	1/9/2004	Nữ	35	7		
23	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	Nữ	30	6		
24	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	Nữ	31	6.2		
25	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/2/2004	Nữ	31	6.2		
26	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	Nam	26	5.2		
27	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	Nam	24	4.8		

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 02

Vũ Thị Liên

Hưng Yên, ngày 16 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 01

Nguyễn Thị Ngọc Anh



DANH SÁCH NỘP BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ:

Phòng thi: 2

Ngày thi: 16/06/2025

Tên lớp học phần: Nghiệp vụ ngân hàng trung ương

Giảng đường: B2_CS1

ST	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số câu	Điểm	Ký nộp	Ghi chú
1	901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	Nam	28	5.6	Hoàng	
2	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	Nam	28	5.6	Minh	
3	1001010829	Nguyễn Trà	My	4/11/2004	Nữ	33	6.6	My	
4	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	Nam	32	6.4	Nam	
5	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3/11/2003	Nữ	41	8.2	Nhung	
6	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	Nam	29	5.8	Phát	
7	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	Nữ	32	6.4	Phu	
8	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	3/10/2004	Nam	29	5.8	Quân	
9	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	Nữ	31	6.2	Quỳnh	
10	901010149	Vũ Duy	Thái	11/8/2003	Nam	21	4.2	Thái	
11	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	2/9/2004	Nữ	33	6.6	Phạm	
12	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	Nam	35	7	Thắng	
13	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	Nam	29	5.8	Thanh	
14	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	Nữ	45	9	Phu	
15	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	Nữ	23	4.6	Thư	
16	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	Nam	22	4.4	Thủy	
17	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	Nam	31	6.2	Thúy	
18	1001010876	Vũ Huy	Tiến	8/6/2004	Nam	41	8.2	Tiến	
19	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	Nam	28	5.6	Toàn	
20	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	1/12/2003	Nam	31	6.2	Trân	
21	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	Nam	33	6.6	Trang	
22	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	8/12/2004	Nữ	36	7.2	Trang	
23	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	Nam	34	6.8	Trang	
24	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	8/3/2004	Nam	27	5.4	Trúc	
25	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	Nam	31	6.2	Tùng	

Cán bộ coi thi 02

Đoàn Thị Huệ

Hưng Yên, ngày 16 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 01

Phạm Việt Phương